

Số: 02 /2026/QĐ-UBND

Nghệ An, ngày 30 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Căn cứ Nghị định 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2035/TTr-SXD ngày 17 tháng 4 năm 2025 và Công văn số 6748/SXD-VT ngày 12 tháng 9 năm 2025;

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 áp dụng trên địa bàn tỉnh Nghệ An, gồm:

a) Khoản 4 Điều 44 về thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời;

b) Khoản 5 Điều 44 về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị.

2. Những nội dung không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và các văn bản có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quyết định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong các đô thị trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Quyết định này không áp dụng đối với xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong các trường hợp khẩn cấp như thiên tai, bão, lũ, phục vụ thu dọn vệ sinh đột xuất theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quyết định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Xe vệ sinh môi trường: Bao gồm xe ô tô tải dùng để chở rác thải sinh hoạt; xe ô tô tải chuyên dùng chở rác; ô tô chuyên dùng hút chất thải.

2. Thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật: Bao gồm bàn nâng lắp trên xe để người dùng xe lăn có thể lên xuống xe; cầu lên xuống xe để người dùng xe lăn có thể lên xuống xe; cửa ra/vào ưu tiên; xe lăn chuẩn; đai an toàn cho người dùng xe lăn; hệ thống neo giữ xe lăn; ghế ưu tiên,... đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

3. Trật tự, an toàn giao thông đường bộ: là trạng thái giao thông trên đường bộ có trật tự, bảo đảm an toàn, thông suốt; được hình thành và điều chỉnh bởi các quy tắc, nguyên tắc, quy phạm pháp luật trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị

1. Hoạt động vận tải trong đô thị:

a) Đơn vị kinh doanh vận tải phải được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép kinh doanh vận tải;

b) Xe kinh doanh vận tải phải có phù hiệu theo quy định và phù hợp với loại hình kinh doanh vận tải phương tiện đó đang hoạt động;

c) Xe ô tô hoạt động vận tải trong đô thị phải tuân thủ quy định về thời gian, phạm vi hoạt động trong các đô thị trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

d) Xe kinh doanh vận tải hành khách phải có thùng chứa rác, hộp vệ sinh, được bố trí nơi thuận tiện cho việc chứa rác;

e) Xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời phải được che phủ kín, không để rơi vãi, phát tán bụi, mùi trong quá trình vận chuyển. Trường hợp để rơi, vãi xuống đường thì người vận tải phải có trách nhiệm khắc phục, thu dọn ngay và đồng thời có những biện pháp báo hiệu, ngăn chặn, bảo vệ vệ sinh và đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường, không để xảy ra tai nạn giao thông;

f) Hoạt động vận tải hành khách phải đúng tuyến đường đô thị, đúng lịch trình, thời gian được phép hoạt động và dừng xe, đỗ xe đúng nơi quy định. Việc dừng, đón, trả khách du lịch tại các bến xe, khu du lịch, điểm du lịch,... thực hiện theo quy định của đơn vị quản lý bến xe, khu du lịch, điểm du lịch,...;

g) Xe ô tô khách hoạt động theo tuyến cố định, xe buýt được hoạt động 24/24h trên các tuyến đường đô thị đã được xác định lộ trình;

h) Xe taxi; xe ô tô con; xe vận chuyển bưu gửi (thư, gói, kiện hàng hóa được chấp nhận, vận chuyển và phát hợp pháp qua mạng bưu chính); xe ô tô cấp nước sinh hoạt; xe cứu hộ giao thông; xe chuyên dùng giải quyết các sự cố đột xuất về điện, nước, úng ngập do mưa, lún sụt đường, gãy cành, đổ cây được phép hoạt động 24/24h;

i) Xe máy chuyên dùng (trừ xe máy chuyên dùng có bánh xích và các loại xe đặc chủng sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh có tham gia giao thông đường bộ); xe cắt sửa cây; xe tưới nước rửa đường; xe ô tô chuyên dùng quét đường; máy sửa chữa cầu, đường; xe nâng đưa người làm việc trên cao không được phép hoạt động trên các tuyến đường trong đô thị vào các khung giờ cao điểm trong ngày (buổi sáng từ 06h30' đến 08h30'; buổi chiều từ 16h30' đến 18h30');

k) Xe vận chuyển theo hợp đồng phải đón hành khách tại vị trí tập trung nhất định; các điểm dừng, đỗ, đón, trả khách phải bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, đúng vị trí được phép dừng, đỗ xe và phải được ghi trong hợp đồng vận chuyển khách.

2. Quy định về thời gian và phạm vi hoạt động trong đô thị đối với một số loại phương tiện để đảm bảo trật tự, an toàn giao thông:

a) Cấm các loại xe ô tô tải có khối lượng hàng hóa được phép chuyên chở (theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ) lớn hơn 1,8 tấn và xe ô tô khách từ 16 chỗ trở lên hoặc lớn hơn 4 tấn và xe ô tô khách từ 16 chỗ trở lên (trừ xe công vụ, xe buýt, xe hợp đồng, xe tham quan du lịch, xe trung chuyển, xe đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên, lực lượng vũ trang, xe phục vụ tang lễ, phục vụ đám cưới) trên một số tuyến đường đô thị trong khung giờ từ 06h00' đến 22h00' hàng ngày;

b) Cấm các loại xe ô tô tải có khối lượng hàng hóa được phép chuyên chở (theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ) lớn hơn 1,8 tấn và xe ô tô khách từ 16 chỗ trở lên (trừ xe công vụ, xe buýt, xe hợp đồng, xe tham quan du lịch, xe trung chuyển, xe đưa đón cán bộ, công nhân viên, học sinh, sinh viên, lực lượng vũ trang, xe phục vụ tang lễ, phục vụ đám cưới) trên một số tuyến đường đô thị đi qua trung tâm hành chính, văn hóa, chính trị của tỉnh;

3. Danh mục các tuyến đường cấm quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này do Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các phường quyết định.

Điều 5. Thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong đô thị

1. Hoạt động của xe chở vật liệu xây dựng, phế thải rời thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 4 của Quyết định này.

2. Xe vệ sinh môi trường được phép hoạt động từ 21h00' đến 05h00' ngày hôm sau.

3. Trường hợp đặc biệt, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thời gian và phạm vi hoạt động của các phương tiện quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 6. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị

1. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đến hết năm 2035, để được cấp phép hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, đơn vị phải trang bị tối thiểu 50% số lượng xe buýt có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

2. Tỷ lệ (%) phương tiện kinh doanh hành khách bằng xe buýt đang hoạt động đảm bảo có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật, cụ thể:

a) Đến hết năm 2028 phải có ít nhất 5% phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trên tổng số phương tiện hoạt động trên tuyến (đối với các đơn vị có dưới 20 phương tiện phải có tối thiểu 01 phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật);

b) Đến hết năm 2030 phải có ít nhất 10% phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trên tổng số phương tiện hoạt động trên tuyến;

c) Giai đoạn từ năm 2031 đến hết năm 2035 mỗi năm tăng thêm ít nhất 15% phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trên tổng số phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến;

d) Sau năm 2035, 100% phương tiện đăng ký hoạt động trên tuyến có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

3. Khuyến khích các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt đầu tư phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trước thời điểm thực hiện lộ trình theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 7. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các phường

1. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan để ban hành quyết định, lắp đặt biển báo cấm các loại xe ô tô hoạt động trên các tuyến đường đô thị thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định này;

b) Có trách nhiệm cho ý kiến khi nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân phường theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

c) Thực hiện quản lý hoạt động vận tải trên địa bàn theo chức năng, nhiệm vụ và các quy định hiện hành;

d) Theo dõi, hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này, tổng hợp những vấn đề phát sinh, vướng mắc trong quá triển khai, kịp thời báo cáo tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, điều chỉnh, bổ sung theo đúng quy định.

2. Công an tỉnh:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân phường và các đơn vị có liên quan tuần tra, kiểm tra, xử lý việc chấp hành pháp luật về đảm bảo an toàn giao thông, an ninh trật tự của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động vận tải theo quy định của pháp luật;

b) Kết nối, chia sẻ thông tin về xử phạt vi phạm hành chính đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô cho Sở Xây dựng để phối hợp quản lý;

c) Có trách nhiệm cho ý kiến khi nhận được đề nghị của Ủy ban nhân dân phường theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

3. Ủy ban nhân dân phường:

a) Tuyên truyền, phổ biến Quyết định này đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn có liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị biết và thực hiện;

b) Tiến hành khảo sát các tuyến đường đô thị thuộc thẩm quyền quản lý, lấy ý kiến của Sở Xây dựng, Công an tỉnh, Ban An giao thông tỉnh và các đơn vị liên

quan để ban hành quyết định, lắp đặt biển báo cấm các loại xe ô tô theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định này;

c) Tổng hợp, báo cáo việc triển khai thực hiện Quyết định này trên địa bàn về Sở Xây dựng theo quy định.

4. Báo và Phát thanh, Truyền hình Nghệ An, Công Thông tin điện tử tỉnh Nghệ An, các cơ quan thông tin, truyền thông của tỉnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, tổ chức có liên quan tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến Quyết định này đến các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh biết, thực hiện.

Điều 8. Trách nhiệm của đơn vị vận tải

1. Thực hiện nghiêm các nội dung tại Quyết định này và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.

2. Các đơn vị kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt hoạt động trước ngày Quyết định này có hiệu lực, xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng theo lộ trình quy định tại khoản 2 Điều 6 Quyết định này.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 4 năm 2026.

2. Trước ngày 01 tháng 4 năm 2026, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các phường: Thành Vinh, Trường Vinh, Vinh Phú, Vinh Lộc, Vinh Hưng phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành rà soát các tuyến đường đô thị thuộc thẩm quyền quản lý và quyết định danh mục các tuyến đường cấm các loại xe ô tô theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Quyết định này.

3. Quyết định này bãi bỏ các Quyết định sau của Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An:

Quyết định số 70/2016/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 quy định về tuyến đường, thời gian hạn chế lưu thông của các phương tiện tham gia giao thông trên địa bàn thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An;

Các Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 70/2016/QĐ-UBND ngày 06/12/2016 gồm: Quyết định số 67/2017/QĐ-UBND ngày 26/10/2017, Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 22/3/2018, Quyết định số 17/2018/QĐ-UBND ngày 09/4/2018, Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 07/6/2019, Quyết định số 30/2022/QĐ-UBND ngày 06/4/2022.

4. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: /

- Như khoản 5 Điều 9;
- Bộ Xây dựng (để b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Phú Hiền

